

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Số : 02 /2021/NTW-CBT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Nhơn Trạch, Ngày 25 tháng 02 năm 2021

BẢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN
NỘI KIỂM CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÀNH PHẨM - THÁNG 02/2021

- Tổng số mẫu xét nghiệm : 04 mẫu
- Tổng số mẫu đạt quy chuẩn : 04 mẫu
- Tổng số chỉ tiêu xét nghiệm : 15 chỉ tiêu (giám sát A)
- Tổng số chỉ tiêu đạt quy chuẩn : 15 chỉ tiêu
- Các chỉ tiêu không đạt : 0

KHU VỰC LẤY MẪU	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ TRỰC TIẾP	SỐ MẪU/ THÁNG	KẾT QUẢ LÝ HÓA		CÁC CHỈ TIÊU KHÔNG ĐẠT
			Đạt	Không đạt	
Khu vực: Khu dân cư xã Đại Phước, Phú Hữu, đường số 2 huyện Nhơn Trạch Tỉnh Đồng Nai	- Trạm bơm nước + Đường số 2	04	04	0	0
Cộng		04	04	0	0
Tỷ lệ %		x	100%	0	0

- Kết luận: Chất lượng nước tại trạm bơm cấp nước và trên mạng lưới cấp nước đạt tiêu chuẩn và nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.
Trân trọng.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
NGUYỄN LƯƠNG THẮNG

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 276 /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM



Mã số mẫu: 00276.21

Trang : 1/2

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000+200ml
Ngày nhận mẫu : 04/02/2021
Ngày trả kết quả : 22/02/2021
Địa điểm lấy mẫu : Trạm bơm Đại Phước
Tình trạng mẫu : Đựng trong chai nhựa và bình thủy tinh, nắp đậy kín, bảo quản lạnh

KHOA XN-CĐHA-TDCN
TRƯỞNG KHOA

Phạm Văn Thanh

Đồng Nai, ngày 22 tháng 2 năm 2021

GIÁM ĐỐC
TL. GIÁM ĐỐC

TP. TỔ CHỨC - HÀNH CHÍNH



Phạm Minh Tiến

**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM****Mã số mẫu: 00276.21****Trang : 2/2****KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,91	6,5 - 8,5	04/02/2021
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	05/02/2021
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	04/02/2021
4	Độ đục	Turbiditymeter AL450T-IR	0,75 NTU	≤ 2 NTU	04/02/2021
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2017	80,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	04/02/2021
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,32 mg/l	≤ 2,0 mg/l	05/02/2021
7	Hàm lượng Nitrit *	SMEWW 4500NO ₂ -B :2017	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	04/02/2021
8	Hàm lượng Nitrat *	TCVN 6180: 1996	14,29 mg/l	≤ 50 mg/l	04/02/2021
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	103,71 mg/l	≤ 250 mg/l	05/02/2021
10	Hàm lượng Mangan tổng số *	SMEWW 3111B: 2017	0,02 mg/l	≤ 0,3 mg/l	05/02/2021
11	Hàm lượng Sắt tổng số *	SMEWW 3111B: 2017	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	05/02/2021
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	3,42 mg/l	≤ 250,0 mg/l	05/02/2021
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,33 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	04/02/2021
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	04/02/2021
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	04/02/2021

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.**Ghi chú:** - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

- (*): Phép thử đã được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 235 /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM



Mã số mẫu: 00275.21

Trang : 1/2

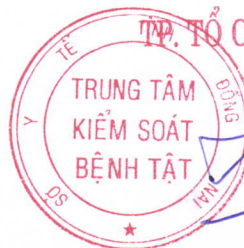
Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : **Nước máy**
Lượng mẫu : 1000+200ml
Ngày nhận mẫu : 04/02/2021
Ngày trả kết quả : 22/02/2021
Địa điểm lấy mẫu : Trụ cứu hỏa số 6 - ấp Câu Kê
Tình trạng mẫu : Đựng trong chai nhựa và bình thủy tinh, nắp đậy kín, bảo quản lạnh

KHOA XN-CĐHA-TDCN
TRƯỞNG KHOA

Phạm Văn Lanh

Đồng Nai, ngày 22 tháng 2 năm 2021

GIÁM ĐỐC
TL. GIÁM ĐỐC



TP. TỔ CHỨC - HÀNH CHÍNH

Phạm Minh Tiến

**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM****Mã số mẫu: 00275.21****Trang : 2/2****KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,68	6,5 - 8,5	04/02/2021
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	05/02/2021
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	04/02/2021
4	Độ đục	Turbiditymeter AL450T-IR	0,62 NTU	≤ 2 NTU	04/02/2021
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2017	83,50 mg/l	≤ 300,0 mg/l	04/02/2021
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,32 mg/l	≤ 2,0 mg/l	05/02/2021
7	Hàm lượng Nitrit *	SMEWW 4500NO ₂ -B :2017	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	04/02/2021
8	Hàm lượng Nitrat *	TCVN 6180: 1996	15,23 mg/l	≤ 50 mg/l	04/02/2021
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	111,35 mg/l	≤ 250 mg/l	05/02/2021
10	Hàm lượng Mangan tổng số *	SMEWW 3111B: 2017	0,03 mg/l	≤ 0,3 mg/l	05/02/2021
11	Hàm lượng Sắt tổng số *	SMEWW 3111B: 2017	0,01 mg/l	≤ 0,3 mg/l	05/02/2021
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	3,02 mg/l	≤ 250,0 mg/l	05/02/2021
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,31 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	04/02/2021
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	04/02/2021
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	04/02/2021

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.**Ghi chú:** - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

- (*): Phép thử đã được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 274 /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM



Mã số mẫu: 00274.21

Trang : 1/2

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : **Nước máy**
Lượng mẫu : 1000+200ml
Ngày nhận mẫu : 04/02/2021
Ngày trả kết quả : 22/02/2021
Địa điểm lấy mẫu : Trụ cứu hỏa số 2 - xã Phú Hữu
Tình trạng mẫu : Đựng trong chai nhựa và bình thủy tinh, nắp đậy kín, bảo quản lạnh

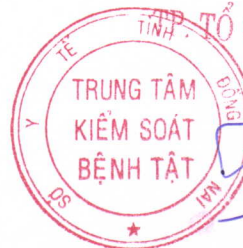
KHOA XN-CĐHA-TDCN
TRƯỞNG KHOA

Phạm Văn Thanh

Đồng Nai, ngày 22 tháng 2 năm 2021

GIÁM ĐỐC

TL. GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Tiến

**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM****Mã số mẫu: 00274.21****Trang : 2/2****KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,45	6,5 - 8,5	04/02/2021
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	05/02/2021
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	04/02/2021
4	Độ đục	Turbiditymeter AL450T-IR	0,53 NTU	≤ 2 NTU	04/02/2021
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2017	87,50 mg/l	≤ 300,0 mg/l	04/02/2021
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,16 mg/l	≤ 2,0 mg/l	05/02/2021
7	Hàm lượng Nitrit *	SMEWW 4500NO ₂ -B :2017	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	04/02/2021
8	Hàm lượng Nitrat *	TCVN 6180: 1996	16,03 mg/l	≤ 50 mg/l	04/02/2021
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	114,48 mg/l	≤ 250 mg/l	05/02/2021
10	Hàm lượng Mangan tổng số *	SMEWW 3111B: 2017	0,03 mg/l	≤ 0,3 mg/l	05/02/2021
11	Hàm lượng Sắt tổng số *	SMEWW 3111B: 2017	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	05/02/2021
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	3,42 mg/l	≤ 250,0 mg/l	05/02/2021
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	04/02/2021
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	04/02/2021
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	04/02/2021

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.**Ghi chú:** - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

- (*): Phép thử đã được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 273 /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM



Mã số mẫu: 00273.21

Trang : 1/2

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : **Nước máy**
Lượng mẫu : 1000+200ml
Ngày nhận mẫu : 04/02/2021
Ngày trả kết quả : 22/02/2021
Địa điểm lấy mẫu : Trụ cứu hỏa - Ngã tư Tín Nghĩa
Tình trạng mẫu : Đựng trong chai nhựa và bình thủy tinh, nắp đậy kín, bảo quản lạnh

KHOA XN-CDHA-TDCN
TRƯỞNG KHOA

Phạm Văn Thanh

Đồng Nai, ngày 22 tháng 2 năm 2021

GIÁM ĐỐC

TL. GIÁM ĐỐC

TP. TỔ CHỨC - HÀNH CHÍNH



Phạm Minh Tiến



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00273.21	Trang : 2/2
---------------------	-------------

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,21	6,5 - 8,5	04/02/2021
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	05/02/2021
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	04/02/2021
4	Độ đục	Turbiditymeter AL450T-IR	0,37 NTU	≤ 2 NTU	04/02/2021
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2017	24,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	04/02/2021
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,16 mg/l	≤ 2,0 mg/l	05/02/2021
7	Hàm lượng Nitrit *	SMEWW 4500NO ₂ -B :2017	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	04/02/2021
8	Hàm lượng Nitrat *	TCVN 6180: 1996	2,04 mg/l	≤ 50 mg/l	04/02/2021
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	6,08 mg/l	≤ 250 mg/l	05/02/2021
10	Hàm lượng Mangan tổng số *	SMEWW 3111B: 2017	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	05/02/2021
11	Hàm lượng Sắt tổng số *	SMEWW 3111B: 2017	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	05/02/2021
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	0,95 mg/l	≤ 250,0 mg/l	05/02/2021
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,32 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	04/02/2021
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	04/02/2021
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	04/02/2021

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- (*): Phép thử đã được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.